

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DS-ST.

Ngày: 20/4/2023.

“V/v Tranh chấp hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG-TỈNH HẢI DƯƠNG
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhan.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hà Thị Thúy, bà Nguyễn Thị Bích Nga.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phạm Hồng Quỳnh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 69/2022/TLST-DS ngày 04/11/2022 về tranh chấp “Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2022, Thông báo thay đổi thời gian xét xử ngày 06/01/2023, Thông báo hoãn phiên tòa ngày 17/01/2023, ngày 16/02/2023, Thông báo mở lại phiên tòa ngày 28/02/2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 05/2023/QĐ-TNPT ngày 16/3/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP A**; Địa chỉ trụ sở: Số 198 B, phường B1, quận B2, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D - Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân Cao C - Giám đốc A chi nhánh Hải Dương (Theo giấy ủy quyền số 743 ngày 18/10/2021); Người đại diện theo ủy quyền cho ông C: Ông Đặng Xuân C1 – Trưởng phòng khách hàng bán lẻ; Địa chỉ: Số 66 L, phường L1, thành phố L2, tỉnh Hải Dương. (Theo giấy ủy quyền số 34 ngày 30/5/2022). Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Vũ Mạnh T**, sinh năm 1977; ĐKKHKT và cư trú: Số 3/149 Q, phường Q1, thành phố L2, tỉnh Hải Dương. Hiện cư trú tại: Số 41 U, phường U1, quận U2, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày: A Chi nhánh

Hải Dương và ông Vũ Mạnh T ký Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 18/06/2013 với hai loại thẻ Thẻ A Visa (V3400929) và thẻ A Airlines American Express (AV3400430) với hạn mức mỗi thẻ là 50.000.000đ. Anh T sử dụng thẻ vào mục đích tiêu dùng phục vụ đời sống cá nhân. Tại thời điểm ký hợp đồng, không có thông tin về việc kết hôn của anh T. Khoản cấp tín dụng theo hình thức thẻ tín dụng của anh T được Công ty cổ phần thương mại TQ bảo lãnh. Anh T là giám đốc công ty cổ phần thương mại TQ. Hiện công ty cổ phần thương mại TQ đã không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký của công ty là 168 phố E, phường E2, thành phố L2.

Các khoản lãi, phí theo hợp đồng phát hành thẻ tín dụng được quy định tại bộ Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng, chi tiết các khoản phí, lãi được quy định tại biểu phí công bố trên website A.com.vn; Các khoản lãi, phí bao gồm: Lãi thẻ tín dụng, phí vượt hạn mức tín dụng và phí không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu, phí thường niên. Theo quy định của Ngân hàng nếu trong thời gian anh T sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, đến kỳ sao kê hàng tháng, ngân hàng sẽ thông kê toàn bộ các khoản chi tiêu của anh T, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày sao kê, anh T trả đủ số tiền gốc đã sử dụng, Ngân hàng sẽ không tính lãi, phí của số tiền anh T đã sử dụng. Chỉ từ khi đến hạn thanh toán anh T không trả đủ số tiền thanh toán tối thiểu anh T mới phải chịu khoản tiền lãi, phí theo quy định của Ngân hàng (trừ phí thường niên). Từ ngày 20/07/2013, anh T không thực hiện được nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết. Trong thời gian sử dụng thẻ, anh T đã trả tổng số tiền gốc, lãi, phí là: 7.950.000 đồng. Tổng số tiền gốc, lãi, phí còn phải trả tính đến ngày 20/4/2023 là: 3.423.753.197đ. Trong đó: Dư nợ gốc thẻ: 44.554.486 đồng; Lãi thẻ tín dụng: 72.062.047đ; Phí vượt hạn mức tín dụng và phí không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu: 3.307.136.664; Phí thường niên: 400.000 đồng, trong đó:

- Thẻ A Visa (V3400929) là 2.818.557.157đ: trong đó nợ gốc là 35.300.117đ; lãi thẻ tín dụng là 56.057.673đ, phí vượt hạn mức là 764.982.794đ, phí chậm thanh toán là 1.962.016.573đ, phí thường niên: 200.000đ;

- Thẻ A Airlines American Express (AV3400430) là 605.196.040đ trong đó nợ gốc là 9.254.369đ; lãi thẻ tín dụng là 16.004.374đ, phí vượt hạn mức là 132.981.621đ, phí chậm thanh toán là 446,755.676đ; Phí thường niên là 200.000đ.

A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc anh T hoàn trả toàn bộ số tiền trên cho A và khoản lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận cho đến khi anh T thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ với A. A không yêu cầu Công ty TQ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho nghĩa vụ trả nợ của anh T.

Tại bản tự khai, đơn đề nghị, bị đơn anh Vũ Mạnh T trình bày: Ngân hàng có cấp cho anh thẻ tín dụng quốc tế với hạn mức 50.000.000đ. Quá trình sử dụng thẻ do gặp khó khăn đến nay anh còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 44.554.486đ. Công ty Cổ phần TQ đã giải thể nên anh xin được chịu trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng. Anh đề nghị Ngân hàng xem xét giảm phần lãi và phí vượt hạn mức cho anh. Còn số dư nợ gốc anh sẽ cố gắng hoàn trả trong thời hạn 06 tháng đầu năm 2023. Hiện anh ở xa nếu có điều kiện anh sẽ có mặt, nếu không đáp ứng được anh xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, A giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện. Ngân hàng không đồng ý về phương án trả nợ của anh T, Ngân hàng sẽ xem xét giảm một phần lãi, phí trên cơ sở khả năng tài chính của Ngân hàng và các quy định liên quan. Còn tại thời điểm này anh T chưa trả được nợ gốc nên Ngân hàng không đồng ý giảm lãi, phí cho anh T. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại công văn số 2083/NHNN-TT ngày 24/3/2023 về việc phối hợp cung cấp thông tin thể hiện: Ngân hàng Nhà nước nêu một số căn cứ pháp lý điều chỉnh hoạt động của các tổ chức tín dụng và thẻ tín dụng và đề nghị Tòa án căn cứ quy định đã viện dẫn và quy định nội bộ về nghiệp vụ cấp tín dụng thông qua hình thức phát hành thẻ tín dụng của A để giải quyết vụ việc theo quy định.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 116, Điều 117, Điều 429 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A, buộc anh Vũ Mạnh T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn phải thanh toán là 512.036.120 đồng, trong đó gốc là 44.554.486 đồng, lãi là 68.890.330 đồng, phí thường niên là 400.000 đồng, phí chậm thanh toán 398.191.304 đồng.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của A về việc đề nghị Tòa án buộc anh Vũ Mạnh T phải trả Ngân hàng khoản tiền phí vượt hạn mức tín dụng.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận; Bị đơn anh T phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của A được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Về quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện: Anh T đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế, bắt đầu vi phạm nghĩa vụ từ tháng 20/07/2013. Ngân hàng tạo điều kiện về thời gian để anh T trả nợ nhưng anh T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngày 01/3/2022, Ngân hàng có thông báo về việc trả nợ nhưng anh T vẫn không thực hiện nghĩa vụ. Do vậy, ngày 28/10/2022, Ngân hàng A khởi kiện anh T là đúng quy định Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 429 Bộ luật dân sự.

1.2 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Tranh chấp phát sinh tại Ngân hàng A chi nhánh Hải Dương. Do vậy quan hệ pháp

luật là tranh chấp hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.3. Bị đơn là anh T vắng mặt tại phiên tòa có quan điểm đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh T là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của A:

2.1 Căn cứ đơn yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 10/6/2013 của anh T yêu cầu Ngân hàng TMCP A phát hành thẻ tín dụng quốc tế cho cá nhân anh T với 02 loại thẻ: A Airlines American Express (AV3400430) và A Visa (V3400929) với hạn mức mỗi thẻ là 50.000.000đ. Ngày 18/6/2013, Ngân hàng chấp thuận yêu cầu của anh T và phát hành thẻ tín dụng quốc tế nêu trên theo các thông tin anh T yêu cầu.

Yêu cầu phát hành, sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế được giao kết giữa Ngân hàng và anh T đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật, người tham gia ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, phù hợp với quy định tại Điều 121, 122, 124 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế có hiệu lực pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên nguyên đơn và bị đơn phải có phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết.

2.2 Căn cứ pháp lý xem xét yêu cầu khởi kiện của A:

Căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: “1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 92 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng như sau: “ 1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng”.

Căn cứ các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế quy định tại khoản 2.2 Điều 2 về nghĩa vụ của chủ thẻ như sau: “Thanh toán đầy đủ đúng hạn cho Ngân hàng các khoản phải trả trong kỳ.” và tại khoản 4.1, khoản 4.2, khoản 4.5 và 4.6 Điều 4 quy định về thanh toán và trả nợ như sau: “Chủ thẻ chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ các giao dịch ...;Chủ thẻ phải trả cho Ngân hàng các phí ứng tiền mặt, phí chậm thanh toán, phí vượt hạn mức và các loại phí, lãi khác theo biểu phí do Ngân hàng quy định; Hàng tháng vào ngày sao kê, Ngân hàng sẽ liệt kê tất cả các giao dịch của Chủ thẻ phát sinh trong kỳ; Chủ thẻ có trách nhiệm kiểm tra và thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng tất cả các khoản nợ phát sinh như nội dung ghi trên sao kê quy định.”

Căn cứ tại khoản 3 Điều 6 và khoản 2 Điều 22 của Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp quy định về phí dịch vụ thẻ ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định như sau: “Tổ chức phát hành thẻ, Tổ chức thanh toán thẻ

phải công bố các loại phí và mức phí cho bên phải trả phí trước khi bên phải trả phí sử dụng dịch vụ” và quy định về nghĩa vụ của chủ thẻ như sau: “Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Tổ chức phát hành thẻ các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ.”; Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/9/2016 quy định về hoạt động thẻ ngân hàng và các văn bản sửa đổi bổ sung.

Căn cứ Biểu phí phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng áp dụng cho thẻ A Airlines American Express và A Visa được Ngân hàng công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và bảng mức lãi suất áp dụng cho thẻ tín dụng A.

Từ các căn cứ viện dẫn nêu trên, không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bị đơn và quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương về khoản tiền lãi và các loại phí đối với thẻ tín dụng nêu trên.

Anh T xác định ký kết một hợp đồng mở và sử dụng một thẻ tín dụng của Ngân hàng. Tuy nhiên căn cứ hợp đồng mở thẻ, đơn đề nghị miễn giảm lãi của anh T, số tiền nợ gốc còn lại anh T xác định tại đơn đề nghị ngày 20/12/2022, Hội đồng xét xử xác định anh T đã đề nghị mở và sử dụng hai thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng như Ngân hàng đã trình bày là có cơ sở.

Căn cứ các sao kê tài khoản thẻ tín dụng từ ngày phát hành thẻ cho đến ngày 20/4/2023 và bảng chi tiết sử dụng và tính lãi, phí đến ngày 20/4/2023 của Ngân hàng, thể hiện anh T sử dụng tài khoản thẻ tín dụng được cấp mức tín dụng mỗi thẻ là 50.000.000 đồng và đối chiếu với những điều khoản thỏa thuận của hợp đồng và quy định pháp luật đã dẫn chiếu ở phần trên thì anh T còn nợ Ngân hàng số tiền là: 3.423.753.197đ. Trong đó: Dư nợ gốc thẻ: 44.554.486 đồng; Lãi thẻ tín dụng: 72.062.047đ; Phí vượt hạn mức tín dụng và phí không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu: 3.307.136.664; Phí thường niên: 400.000 đồng, trong đó:

- Thẻ A Visa (V3400929) là 2.818.557.157đ: trong đó nợ gốc là 35.300.117đ; lãi thẻ tín dụng là 56.057.673đ, phí vượt hạn mức là 764.982.794đ, phí chậm thanh toán là 1.962.016.573đ, phí thường niên: 200.000đ;

- Thẻ A Airlines American Express (AV3400430) là 605.196.040đ trong đó nợ gốc là 9.254.369đ; lãi thẻ tín dụng là 16.004.374đ, phí vượt hạn mức là 132.981.621đ, phí chậm thanh toán là 446,755.676đ; Phí thường niên là 200.000đ.

A và anh T đều xác định công ty Cổ phần TQ đến nay không còn hoạt động nên Ngân hàng chỉ yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ trả nợ không yêu cầu công ty Cổ phần TQ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, anh T xác định sẽ chịu trách nhiệm trả nợ Ngân hàng. Do vậy, Ngân hàng yêu cầu anh T phải trả toàn bộ số nợ trên và tiếp tục chịu khoản lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế cho đến khi anh T thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ với A là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của A được chấp nhận nên không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp, anh T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 40; Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 121, 122, 124, khoản 1 và khoản 5 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 và khoản 2, khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A.

Buộc anh Vũ Mạnh T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền còn phải thanh toán theo yêu cầu phát hành 02 thẻ tín dụng quốc tế ngày 18/6/2013, các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế với số tiền tính đến ngày 20/4/2023 là: 3.423.753.197đ. Trong đó: Dư nợ gốc thẻ: 44.554.486 đồng; Lãi thẻ tín dụng: 72.062.047đ; Phí vượt hạn mức tín dụng và phí không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu: 3.307.136.664; Phí thường niên: 400.000 đồng, cụ thể:

- Thẻ A Visa (V3400929) là 2.818.557.157đ: trong đó nợ gốc là 35.300.117đ; lãi thẻ tín dụng là 56.057.673đ, phí vượt hạn mức là 764.982.794đ, phí chậm thanh toán là 1.962.016.573đ, phí thường niên: 200.000đ;

- Thẻ A Airlines American Express (AV3400430) là 605.196.040đ trong đó nợ gốc là 9.254.369đ; lãi thẻ tín dụng là 16.004.374đ, phí vượt hạn mức là 132.981.621đ, phí chậm thanh toán là 446,755.676đ; Phí thường niên là 200.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Vũ Mạnh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí thẻ tín dụng các bên thỏa thuận theo yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế, các điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế đã ký kết.

2. Về án phí:

Buộc anh Vũ Mạnh T phải chịu 100.475.000đ (một trăm triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn lại Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.643.000đ (Ba mươi sáu triệu, sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng, ông Nguyễn Minh Công nộp thay), được thể hiện tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0001297 ngày 31/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hải Dương;
- Chi cục THADS TP Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhan